

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2023/DS -ST**

Ngày: 04/5/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Dũng

2. Bà: Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Mậu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2022/TLST - DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ x, ấp V, xã B, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Tôn Thị H, sinh năm 1976 (Tên gọi khác: Hui)

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

(Ông Nguyễn Văn B có mặt, bà Tôn Thị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông Nguyễn Văn B và bà Tôn Thị H là chỗ quen biết. Vào năm 2020, ông Nguyễn Văn B có cho bà Tôn Thị H vay tiền nhiều lần, các lần vay số tiền khác nhau nên không nhớ chính xác được từng lần vay bao nhiêu, khi vay hai bên không là m giấy tờ gì, lãi suất hai bên thỏa thuận 6%/tháng, sau khi vay bà H trả lãi cho ông Nguyễn Văn B được vài tháng rồi ngưng không

đóng lãi cũng như không trả nợ gốc cho ông Nguyễn Văn B.

Qua tự theo dõi ông Nguyễn Văn B xác định bà Tôn Thị H vay ông số tiền gốc là 85.000.000 đồng, được ban lãnh đạo ấp Vàm Rây, xã Bình Sơn hòa giải, tại buổi hòa giải ngày 12/10/2022, bà Tôn Thị H chỉ thừa nhận nợ vay gốc ông Nguyễn Văn B là 70.000.000 đồng và đã trả được 6.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 64.000.000 đồng. Do không có biên nhận để đối chứng nên ông Nguyễn Văn B thống nhất khoản nợ vay còn lại của bà Tôn Thị H là 64.000.000 đồng, cũng tại phiên hòa giải bà H đưa phương án thanh toán nợ theo mùa lúa trả từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng ông Nguyễn Văn B không đồng ý nên hòa giải không thành.

Tại phiên Tòa, ông Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Tôn Thị H thanh toán nợ vay gốc là 64.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn B không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà Tôn Thị H không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiến cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa nên không có lời khai.

* Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục tố tụng được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ và diễn biến công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều các Điều 117; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B yêu cầu bị đơn bà Tôn Thị H thanh toán nợ.

Buộc bà Tôn Thị H thanh toán cho ông Nguyễn Văn B số tiền vay gốc là 64.000.000 đồng.

Về án phí : ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí ; bà Tôn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tôn Thị H thanh toán số tiền nợ vay, đây là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Bị đơn bà Tôn Thị H được Tòa án tổng đạt thủ tục xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Về nội dung:* Vào năm 2020, ông Nguyễn Văn B cho bà Tôn Thị H vay tiền làm nhiều lần, khi vay không làm biên nhận nên không xác định được thời gian vay và số tiền vay của từng lần . Quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt , không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ để phản đối. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Tôn Thị H thanh toán nợ vay gốc và không yêu cầu tính lãi suất .*

Khi giao kết hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Văn B với bà Tôn Thị H là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện nên các bên có quyền, nghĩa vụ phải thực hiện, tại buổi hòa giải của Ban lãnh đạo ấp Vàm Rầy , xã Bình Sơn bà Tôn Thị H thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Văn B số tiền vay còn lại là 64.000.000 đồng, quá trình tố tụng bà Tôn Thị H không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn . Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn , buộc bị đơn bà Tôn Thị H thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn B số tiền nợ vay gốc là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện cũ ng như cũng như quá trình tố tụng , nguyên đơn ông Nguyễn Văn B không yêu cầu tính lãi suất, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên hội đồng xét xử ghi nhận và không xét về lãi suất.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của ngu yên đơn được chấp nhận nên bà Tôn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là $64.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.200.000 \text{ đồng}$, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Các Điều 227; 228; 266; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 117; 463; 466 Bộ luật Dân sự 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Tôn Thị H thanh toán nợ.

2. Buộc bà Tôn Thị H thanh toán cho ông Nguyễn Văn B số tiền nợ vay gốc là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, phía bà Tôn Thị H còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Tôn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn

B không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004177 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt cá có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Phúc